

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Hợp tác xã Hợp Phát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 347/GP-UBND ngày 27/8/2015 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 127/GP-UBND ngày 22/7/2020 (gia hạn lần 1) của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-STNMT ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Hợp tác xã Hợp Phát, khai thác nguồn nước mặt phục vụ cho hoạt động sản xuất của Xưởng chế biến lâm sản và sản xuất giấy vàng mã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Hợp tác xã Hợp Phát theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 347/GP-UBND ngày 27/8/2015 và số 127/GP-UBND ngày 22/7/2020 (gia hạn lần 1) của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Hợp tác xã Hợp Phát; địa chỉ: Bản Chăm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Trạm bơm khai thác nước mặt sông Mã, đoạn chảy qua xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ cho hoạt động sản xuất của Xưởng chế biến lâm sản và sản xuất giấy vàng mã thuộc công ty;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $G = 40.000$ đồng/m³ (đổi với nước mặt dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

5. Sản lượng tính: $W = 2.824$ (ngày) x 200 (m³/ngày, đêm) = 564.800 m³.

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 21/7/2025 (ngày hết hiệu lực giấy phép số 127/GP-UBND);

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0,2 + 0,1) = 1,6$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: $M = 1,5$ % (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$T = W \times G \times K \times M = 564.800 \text{ m}^3 \times 40.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,6 \times 1,5\% = 542.208.000$ đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi hai triệu hai trăm linh tám nghìn đồng);

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 233.664.000 đồng;

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2021-2024): 70.080.000 đồng;

- Số tiền nộp năm cuối (2025) (tính đến hết ngày 22/7/2025): 28.224.000 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Hợp tác xã Hợp Phát liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15 tháng 12); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm :

- Ban hành thông báo đến Hợp tác xã Hợp Phát về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Hợp tác xã Hợp Phát; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Hợp tác xã Hợp Phát có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Hợp tác xã Hợp Phát gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Hợp tác xã Hợp Phát phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Quan Hóa; UBND xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Chủ tịch UBND xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa; Chủ nhiệm Hợp tác xã Hợp Phát; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Trung tâm hành chính công tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-216

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi